TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 5 năm 2022
V/v: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tám

Ông Nguyễn Phương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Phan Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh: Ông Lê Ngọc Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 198/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXX-ST ngày 07/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị M - Sinh năm: 1966; trú tại: Thôn H1, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; *(Có mặt).*

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn T - Sinh năm: 1966; trú tại: Thôn H1, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phan Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Văn T tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung với nhau từ năm 1992 đến nay nhưng do không hiểu biết về pháp luật nên chưa đăng ký kết hôn.

Quá trình sống chung, thời gian đầu giữa ông bà có hạnh phúc nhưng đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông T sống vô trách nhiệm với vợ con, ham mê rượu chè, thích chơi bời không lo làm ăn và còn thường xuyên đánh đập bà. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng gay gắt nên bà đã bỏ đi không còn chung sống cùng ông T nữa và từ đó cả hai đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến nay, bà xác định không còn tình cảm với ông T, không muốn sống cùng với ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông T.

Về con chung: Hai con chung là Võ Bình T - sinh năm 1993; Võ Thị T - sinh năm 1995 và Phan Văn K - sinh ngày 07 tháng 11 năm 2005, hiện đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Phan Văn K tuy sinh ra trong giai đoạn bà và ông T sống chung nhưng giấy khai sinh không thể hiện tên cha là Võ Văn T, bà cũng không có cơ sở chứng minh cháu Kiệt là con chung giữa bà và ông T nên bà xin thay đổi yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu Phan Văn K nữa.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về nợ chung: Bà M xác định không có.

** Đối với bị đơn ông Võ Văn T:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T theo quy định của pháp luật, cụ thể như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để ông T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do.

Tại đơn xin xin xác nhận sống chung như vợ chồng ngày 23/4/2021 và biên bản xác minh ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, Uỷ ban nhân dân xã T xác nhận bà Phan Thị M và ông Võ Văn T sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

1. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Võ Văn T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp giữa bà M với ông T là *"Tranh chấp về ly hôn"*. Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa là Tòa án nơi mà ông T cư trú theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Tại phiên tòa ông Võ Văn T dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Võ Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị M và ông Võ Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, thường hay mâu thuẫn nên bà M yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

Theo biên bản xác minh ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh tại Ủy ban nhân dân xã T thì bà Phan Thị M và ông Võ Văn T không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vạn Thắng.

Như vậy, có thể xác định bà Phan Thị M và ông Võ Văn T chung sống với nhau như vợ chồng, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà M, ông T vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cuộc sống chung có những mâu thuẫn không hàn gắn được, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện để ông T, bà M hòa giải đoàn tụ với nhau, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà M. Điều đó chứng tỏ ông T đã không còn quan tâm gì đến cuộc sống chung giữa ông và bà M nữa.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định *"Trường hợp nam, nữ chung sống với*

nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ" thì yêu cầu của bà M là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị M trình bày giữa bà và ông Võ Văn T có 03 (ba) con chung là Võ Bình T - sinh ngày 20 tháng 10 năm 1993; Võ Thị T - sinh ngày 18 tháng 11 năm 1995 và Phan Văn K - sinh ngày 07 tháng 11 năm 2005. Hai con chung là Võ Bình T và Võ Thị T hiện đều đã thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động; cháu Phan Văn K tuy được sinh ra trong giai đoạn sống chung giữa bà và ông Võ Văn T nhưng bà không có căn cứ xác định cháu Kiệt là con chung giữa bà và ông T; do đó bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hai con chung là Võ Bình T - sinh ngày 20 tháng 10 năm 1993 và Võ Thị T - sinh ngày 18 tháng 11 năm 1995 hiện đều đã đủ 18 (mười tám) tuổi, có khả năng lao động, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Phan Văn K - sinh ngày 07 tháng 11 năm 2005, trong giai đoạn sống chung giữa bà Phan Thị M và ông Võ Văn T nhưng trên giấy khai sinh của cháu Kiệt không thể hiện họ và tên cha là ông Võ Văn T, bà M cũng không có chứng cứ chứng minh việc cháu Kiệt là con chung giữa bà và ông T. Theo Biên bản xác minh ngày 01/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện: "*Thời điểm đăng ký khai sinh cho cháu Kiệt bà M chưa đăng ký kết hôn với ai, do đó Ủy ban nhân dân xã Vạn Thắng không có thông tin về cha đẻ của cháu Phan Văn K, không xác định được cháu Kiệt có phải là con chung của bà Phan Thị M và ông Võ Văn T không".* Đồng thời, tại đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 01/3/2022, bà Phan Thị M xin thay đổi yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu Phan Văn K nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà M xác định không có.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị M phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12, 14, 15, 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị M;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị M và ông Võ Văn T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003113 ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Nhật Hoàng